

**QUY CHẾ
VỀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG NGHĨA TRANG NHÂN DÂN**

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về việc quản lý và sử dụng nghĩa trang trên địa bàn xã.
2. Quy chế này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trên địa bàn xã có liên quan đến việc quản lý và sử dụng nghĩa trang của địa phương.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Nghĩa trang* là nơi táng người chết tập trung theo các hình thức táng khác nhau, thuộc các đối tượng khác nhau và được Ủy ban nhân dân xã xác định vị trí, ranh giới.
2. *Phần mộ cá nhân* là nơi táng thi hài, hài cốt của một người.
3. *Táng* là thực hiện việc lưu giữ hài cốt hoặc thi hài của người chết.
4. *Các hình thức táng người chết bao gồm*: mai táng, hỏa táng và các hình thức táng khác.
5. *Mai táng* là thực hiện việc lưu giữ hài cốt hoặc thi hài của người chết ở một địa điểm dưới mặt đất.
6. *Chôn cất một lần* là hình thức mai táng thi hài vĩnh viễn trong đất.
7. *Hung táng* là hình thức mai táng thi hài trong một khoảng thời gian nhất định sau đó sẽ được cải táng.
8. *Cải táng* là thực hiện việc chuyển xương cốt từ mộ hung táng sang hình thức táng khác.
9. *Cát táng* là hình thức mai táng hài cốt sau khi cải táng.
10. *Dịch vụ nghĩa trang bao gồm*: tổ chức tang lễ, mai táng thi hài hoặc hài cốt; xây mộ, cải táng, chăm sóc mộ, tu sửa mộ; chăm sóc, bảo quản và dịch vụ phục vụ việc thăm viếng, tưởng niệm.
11. *Quản lý nghĩa trang* là việc thực hiện các nội dung theo quy chế quản lý đã được phê duyệt.
12. *Người sử dụng dịch vụ nghĩa trang* là người đang sống có quan hệ với người được táng trong nghĩa trang hoặc đến thăm viếng, tưởng niệm.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý và sử dụng nghĩa trang

1. Trên địa bàn xã có 10 khu nghĩa trang (Làng cò NT-01, Vóc Lợn NT-02, Gò bốn Bang NT-03, Bông Vàng NT-04, Thung Váy NT-05, Đồi Me NT-06, Gò Vay NT-07, Gò Mu NT-08, Dốt ràng NT-09, Gò Ngõi NT-10); tổng diện tích: 15,63 m².
2. Việc táng người chết phải được thực hiện trong các nghĩa trang. Trường hợp táng người chết ngoài khu vực nghĩa trang phải được sự thống nhất thôn.

3. Việc táng người chết trong các nghĩa trang phải phù hợp với phong tục, tập quán, truyền thống văn hóa, nếp sống văn minh hiện đại và tuân thủ các quy định hiện hành về xây dựng, vệ sinh, môi trường.

4. Việc sử dụng đất trong nghĩa trang phải theo quy hoạch và đúng mục đích. Khu nào giành cho vị trí chôn lấp như cát táng, hung táng hoặc chôn lấp tạm thời phải đúng theo quy định trong quy hoạch.

Điều 4. Chính sách áp dụng đối với các đối tượng đặc biệt

1. Người vô gia cư, không có thân nhân hoặc có thân nhân nhưng không có điều kiện lo việc táng, khi chết ở địa phương thì Ban thôn có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức táng.

2. Người không có thân nhân sống ở địa phương khi chết, ban thôn có trách nhiệm tổ chức táng với chi phí được lấy từ tài sản của người chết (nếu có) hoặc từ nguồn quỹ mai táng phí của thôn.

3. Người ở nơi khác tạm trú tại địa phương, người địa phương đã chuyển đi nơi khác hoặc người địa phương khác có nguyện vọng được táng tại nghĩa trang trên địa bàn thôn xem xét, chấp thuận.

4. Đối với các trường hợp chết trên địa bàn xã do thiên tai, dịch bệnh, Ban thôn có trách nhiệm hướng dẫn gia đình tổ chức táng cho người chết, bảo đảm yêu cầu về an toàn, vệ sinh phòng dịch, không gây ô nhiễm môi trường theo quy định của Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên và Môi trường và quy định khác của pháp luật.

5. Đối với các mộ trong nghĩa trang không có hoặc không còn thân nhân chăm sóc.

Điều 5. Các hành vi bị cấm (Thảo luận lấy ý kiến tập thể)

1. Xây dựng mộ, bia mộ và các công trình trong nghĩa trang không đúng quy định, và không được xây dựng quá diện tích quy định của thôn đề ra.

- Diện tích sử dụng đất cho mỗi phần mộ hung táng và chôn cất một lần tối đa không quá 05m².

- Diện tích sử dụng đất cho mỗi phần mộ cát táng tối đa không quá 03 m².

2. Mua bán, chuyên nhượng đất trong nghĩa trang dưới mọi hình thức.

3. Phá hoại các công trình xây dựng trong nghĩa trang.

4. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vụ lợi hoặc gây khó khăn cho người có nhu cầu sử dụng các dịch vụ nghĩa trang.

5. Thu phí, lệ phí, thực hiện kinh doanh các dịch vụ nghĩa trang trái quy định của pháp luật.

6. Táng người chết ngoài các nghĩa trang đã được Ban thôn xác định vị trí, ranh giới.

7. Không chấp hành các quyết định của cơ quan có thẩm quyền về di chuyển các phần mộ riêng lẻ.

8. Vi phạm các quy định, nội quy của nghĩa trang.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ NGHĨA TRANG

Điều 6. Thực hiện quản lý nhà nước về nghĩa trang

1. Ban quản trang từng thôn trực tiếp quản lý nghĩa trang trong phạm vi địa bàn của thôn.

2. Đề xuất việc đóng cửa nghĩa trang với các cấp chính quyền khi nghĩa trang không còn đủ điều kiện hoạt động.

3. Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm trong việc quản lý và sử dụng nghĩa trang.

4. Tuyên truyền, khuyến khích sự tham gia của cộng đồng trong việc quản lý và sử dụng nghĩa trang.

Điều 7. Xác định đơn vị quản lý trực tiếp nghĩa trang trên địa bàn xã.

Ban quản trang cùng Trưởng thôn có nghĩa trang đó thực hiện theo quy chế;

Điều 8. Nội dung quản lý trực tiếp nghĩa trang nhân dân

1. Phổ biến, giám sát việc thực hiện những quy định về quản lý và sử dụng nghĩa trang.

2. Định kỳ chăm sóc cây xanh, bảo quản phần mộ, duy tu bảo dưỡng các công trình trong nghĩa trang.

3. Hướng dẫn, kiểm tra việc tuân thủ các quy định về vệ sinh trong các hoạt động táng.

4. Bảo đảm về vệ sinh môi trường trong nghĩa trang.

5. Trang bị các thiết bị bảo hộ cá nhân như: khẩu trang, quần áo, ủng, găng tay... cho nhân viên và yêu cầu sử dụng khi trực tiếp thực hiện công việc táng.

6. Ban thôn giao cho ban quản trang giám sát, quản lý và trực tiếp cung cấp các dịch vụ nghĩa trang.

7. Lập và lưu trữ hồ sơ nghĩa trang.

8. Rà soát việc đánh số, xác định vị trí khu mộ, hàng mộ, ngôi mộ trong nghĩa trang. Trong trường hợp các khu mộ, phần mộ chưa được đánh số thì thực hiện việc đánh số theo hướng dẫn tại Điều 12 của Quy chế này.

9. Lập các bảng chỉ dẫn, sơ đồ vị trí các khu chức năng, khu mộ, hàng mộ, phần mộ phục vụ cho người thăm viếng.

10. Xử lý các hành vi vi phạm; báo cáo Ủy ban nhân dân xã về các hành vi vi phạm nghiêm trọng để giải quyết kịp thời.

11. Thực hiện báo cáo định kỳ một năm về tình hình quản lý sử dụng nghĩa trang với Ủy ban nhân dân xã.

Điều 9. Bảo vệ, chăm sóc, tu bổ nghĩa trang

1. Thường xuyên chăm sóc, bảo quản phần mộ. Khi phát hiện ra những hiện tượng bất thường liên quan đến phần mộ như, xuống cấp, hư hỏng... đơn vị quản lý nghĩa trang có trách nhiệm báo ngay cho thân nhân của người chết xem xét khắc phục xử lý.

2. Kiểm tra và ngăn chặn kịp thời các hành vi gây ảnh hưởng đến nghĩa trang và báo cáo kịp thời tới ban thôn để có biện pháp xử lý.

3. Chăm sóc, ươm trồng các vườn hoa, thảm cỏ, cây cảnh, cây xanh, làm sạch đẹp môi trường, cảnh quan trong nghĩa trang.

4. Kiểm tra và đề xuất việc tu bổ, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, nghĩa trang.

Điều 10. Vệ sinh trong các hoạt động táng và vệ sinh môi trường trong nghĩa trang

1. Ban quản trang phải có trách nhiệm về vệ sinh, môi trường.

2. Sử dụng các trang bị bảo hộ cá nhân như khẩu trang, quần áo, ủng, găng tay... khi trực tiếp thực hiện công việc táng.

3. Phải làm vệ sinh sạch sẽ ngay sau mỗi lần tổ chức táng. Thường xuyên vệ sinh trong khuôn viên nghĩa trang.

4. Quản lý, hướng dẫn các hộ dân thực hiện công tác cải táng, thu gom vật dụng, san lấp hồ huyết sau cải táng theo đúng nơi quy định, không để tình trạng gây ô nhiễm môi trường, mất mỹ quan sau khi cải táng.

5. Thực hiện các hoạt động táng và vệ sinh môi trường trong nghĩa trang theo quy định hiện hành của Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 11. Lập và lưu trữ hồ sơ nghĩa trang

1. Nội dung hồ sơ nghĩa trang:

a) Danh sách, sơ đồ vị trí các khu chức năng, khu mộ, hàng mộ, phần mộ, (bao gồm vị trí đã sử dụng và vị trí còn trống);

b) Sổ theo dõi hoạt động táng theo thời gian;

c) Lưu trữ các thông tin cơ bản của người được táng: họ tên, quê quán, nguyên nhân chết, ngày chết, địa chỉ thân nhân để liên hệ và các giấy tờ liên quan.

2. Đơn vị quản lý nghĩa trang có trách nhiệm lập và lưu trữ hồ sơ nghĩa trang; cung cấp thông tin cho tổ chức và cá nhân khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Khuyến khích áp dụng công nghệ tin học tiên tiến trong việc lập, lưu trữ, khai thác hồ sơ nghĩa trang.

Điều 12. Xác định vị trí các phần mộ trong nghĩa trang

1. Tất cả các phần mộ trong nghĩa trang đều phải được sắp xếp theo quy định

2. Việc xác định vị trí các phần mộ trong nghĩa trang phải đảm bảo thuận tiện cho người sử dụng và người quản lý.

3. Phương pháp xác định vị trí các phần mộ.

a) Vị trí của ngôi mộ trong nghĩa trang được tạo thành bởi: khu mộ/hàng mộ/số mộ;

b) Trong hồ sơ lưu trữ cần ghi đầy đủ khu mộ/hàng mộ/số mộ; trên mộ chỉ ghi số mộ. Số của các phần mộ trong nghĩa trang phải tương ứng với hồ sơ lưu;

c) Sử dụng các chữ cái A, B, C, ... đặt tên cho các khu mộ;

d) Sử dụng các số tự nhiên 1, 2, 3, ... để đánh số cho các hàng mộ trong khu mộ dọc theo các trục đường chính;

đ) Sử dụng các số tự nhiên 1, 2, 3, ... để đánh số liên tiếp cho các mộ trong khu dọc theo các hàng (dự kiến cả số của những mộ chưa được xây dựng);

e) Trong trường hợp các ngôi mộ hiện hữu không được xây theo dãy, hàng thì sử dụng các chữ cái A, B, C, ... để phân khu và sử dụng các số tự nhiên 1, 2, 3, ... đánh số liên tiếp các ngôi mộ trong khu.

4. Ghi tên khu mộ, đánh số ngôi mộ phải rõ ràng, đảm bảo sử dụng lâu dài.

Điều 13. Sử dụng đất trong nghĩa trang

1. Việc sử dụng đất trong nghĩa trang phải đúng theo quy hoạch, theo vị trí khu mộ, hàng mộ và phần mộ. Sử dụng đất mai táng phải đúng mục đích, đúng đối tượng.

2. Việc giao đất mai táng trong nghĩa trang thực hiện lần lượt theo khu, hàng đã định trước, tránh việc tự ý lựa chọn khu đất mai táng.

3. Không được giao đất mai táng cho các đối tượng để dành. Trừ những trường hợp sau:

a) Người từ 70 tuổi trở lên;

b) Người đang mắc bệnh hiểm nghèo không thể chữa trị;

c) Người từ 60 tuổi trở lên có vợ hoặc chồng đã được mai táng trong nghĩa trang thì được đặt trước 01 (một) vị trí táng cùng nghĩa trang.

4. Phần đất nơi huyệt mộ sau khi cải táng phải để tối thiểu là 12 tháng mới được tái sử dụng vào mục đích mai táng.

5. Diện tích tối đa cho mỗi mộ hung táng và chôn cất 1 lần không quá 5 m² và cho mỗi mộ cát táng tối đa không quá 3 m².

Điều 14. Xây mới, tu bổ phần mộ trong nghĩa trang

1. Việc xây mới, tu bổ phần mộ, bia mộ, trồng cây trong nghĩa trang phải được sự chấp thuận của đơn vị quản lý nghĩa trang.

2. Việc xây mới, tu bổ mộ không được làm ảnh hưởng đến các phần mộ xung quanh và cảnh quan chung của nghĩa trang.

3. Các phần mộ trong một khu mộ phải bố trí cách đều nhau. Khoảng cách tối đa giữa hai hàng mộ là 0,8 m; khoảng cách tối đa giữa hai mộ trong một hàng là 0,6 m.

4. Chiều cao trung bình cho một ngôi mộ là 1,2m (tối đa là 2m tính từ mặt đất, kể cả phần trang trí).

5. Hướng, kích thước, kiểu dáng các mộ, bia mộ phải tuân thủ theo các quy định của đơn vị quản lý nghĩa trang.

6. Đơn vị quản lý nghĩa trang có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc xây mới, tu bổ phần mộ trong nghĩa trang theo đúng quy định.

Điều 15. Kinh phí quản lý nghĩa trang và giá dịch vụ nghĩa trang

1. Kinh phí quản lý nghĩa trang được lấy từ quỹ mai táng phí.

2. Phí dịch vụ nghĩa trang được lấy ý kiến nhân dân và được xã thống nhất trên cơ sở quy định của pháp luật: thu đóng góp nhân dân hoặc thu phí dịch vụ...

3. Giá dịch vụ nghĩa trang phải được niêm yết công khai, minh bạch.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ NGHĨA TRANG

Điều 16. Quyền lợi của người sử dụng dịch vụ nghĩa trang

1. Yêu cầu đơn vị quản lý cung cấp các dịch vụ nghĩa trang đúng theo quy định.

2. Thăm viếng, chăm sóc mộ theo quy định của đơn vị quản lý nghĩa trang.

3. Hưởng các quyền lợi trong thỏa thuận với đơn vị quản lý nghĩa trang.

Điều 17. Trách nhiệm của người sử dụng dịch vụ nghĩa trang

1. Tuân thủ các quy định của nghĩa trang và các quy định của pháp luật.

2. Thực hiện các trách nhiệm theo thỏa thuận với đơn vị quản lý nghĩa trang.

3. Cung cấp lý lịch mộ để đơn vị quản lý nghĩa trang lập hồ sơ lưu trữ, quản lý.

4. Tham gia, đóng góp ý kiến với Ban quản lý nghĩa trang, Ủy ban nhân dân xã về các vấn đề liên quan đến nghĩa trang.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Xử lý những tồn tại trong việc quản lý nghĩa trang

1. Vì hiện trạng cụ thể nghĩa trang thôn chưa được quy hoạch xây dựng đồng bộ nên đề nghị Ủy ban nhân dân xã cử Cán bộ địa chính xây dựng kết hợp với Ban quản lý từng nghĩa trang xác định lại ranh giới, diện tích của từng khu nghĩa trang để phân khu chức năng, khu mộ, hàng mộ trong các nghĩa trang.

2. Thực hiện việc tu bổ các phần mộ trong nghĩa trang theo quy định tại Điều 14 của Quy chế này.

3. Đối với các phần mộ ảnh hưởng nghiêm trọng đến cảnh quan, môi trường, Ban thôn yêu cầu thân nhân di chuyển phần mộ vào trong các nghĩa trang.

4. Đối với các phần mộ không rõ thân nhân, ban thôn xác định trên cơ sở đó thông báo trên các phương tiện truyền thông...xác minh và báo cáo xác lập di dời hoặc để tại chỗ, căn cứ vào tình hình cụ thể.

Điều 19. Khen thưởng và xử lý các hành vi vi phạm

1. Cá nhân, tập thể có những đóng góp tiêu biểu vào việc quản lý nghĩa trang được thôn đề nghị Ủy ban nhân dân xã khen thưởng.

2. Các tổ chức cá nhân có hành vi vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Trách nhiệm của ban thôn, trưởng thôn, ban quản trang.

1. Ban thôn, trưởng thôn

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã về các vấn đề liên quan đến nghĩa trang;

b) Theo dõi, quản lý các hoạt động về quản lý và sử dụng nghĩa trang trên của ban quản trang trên địa bàn;

c) Chủ động triển khai và thực hiện Quy chế này;

d) Thanh, kiểm tra, kiến nghị xử lý các hành vi vi phạm trong việc quản lý và sử dụng nghĩa trang;

đ) Phối hợp cán bộ địa chính xây dựng đề xuất việc cải tạo, nâng cấp nghĩa trang;

e) Tổng kết, đánh giá việc quản lý và sử dụng nghĩa trang, báo cáo Ủy ban nhân dân xã.

2. Ban quản trang

a) Tham mưu cho ban thôn về các vấn đề liên quan trong việc quản lý và sử dụng nghĩa trang.

b, Trực tiếp quản lý sử dụng nghĩa trang, hướng dẫn cho nhân dân thực hiện việc mai táng theo quy chế đã được Ủy ban nhân dân xã phê duyệt.

Điều 21. Điều khoản thi hành

1. Quy chế được thông qua BCD, BQL, BPPT và hội nghị nhân dân đi đến thống nhất.

2. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký.

3. Trong quá trình thực hiện Quy chế nếu gặp khó khăn, vướng mắc, đề nghị báo cáo về Ủy ban nhân dân xã để thống nhất, giải quyết./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**

Quách Văn Mạnh